

Số: 359 /ĐHKT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các Trường thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm 2025 của hệ Văn bằng 2 chính quy và hệ Liên thông đại học chính quy.

Ban Đào tạo trân trọng gửi đến các Trường thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời Khóa Biểu chính thức học kỳ cuối năm 2025 của Khóa 28.3 - hệ Văn bằng 2 chính quy (học kỳ thứ 1) và Khóa 30.3 - hệ Liên thông đại học chính quy (học kỳ thứ 1) (Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành).**

Ban Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đào tạo triển khai đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với các mốc thời gian cụ thể như sau: **16/7/2025 đến 17/7/2025 (Thời gian giảng viên đăng ký), 18/7/2025 đến 20/7/2025 (Thời gian Quản lý môn học duyệt), 21/7/2025 (Thời gian Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt).**

Trân trọng,

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- TTKT;
- Ban BĐCL&KSNB;
- Ban QTHT;
- Ban TC- KHĐT;
- Website Ban ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**ThS. Võ Thị Tâm**

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 28.3 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ THỨ 1) (CHÍNH THỨC)

|                                          | THỜI GIAN                                                                                                                                                                                                                         |                                                                       |
|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết                            | 04/08/2025 – 27/12/2025<br>Trước ngày học, sinh viên vui lòng kiểm tra tài khoản UEH cá nhân ( <a href="https://student.ueh.edu.vn/">https://student.ueh.edu.vn/</a> ) để cập nhật thông tin chính xác về phòng học và cơ sở học. | CV Khung thời gian đào tạo năm 2025 (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024) |
| Các ngày nghỉ                            | 01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025                                                                                                                                                                                                |                                                                       |
| Thời gian học bao gồm 2 tuần Dự trữ KHĐT | 22/12/2025 – 04/01/2026                                                                                                                                                                                                           |                                                                       |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                    | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|--------------------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.Xuân Hòa, Tp.HCM  |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.Diên Hồng, Tp.HCM |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.Diên Hồng, Tp.HCM |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.Vườn Lài, Tp.HCM     |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Tân Định, Tp.HCM      |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.Phú Nhuận, Tp.HCM         |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.Xuân Hòa, Tp.HCM       |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Bình Hưng, Tp.HCM            |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Bình Hưng, Tp.HCM            |         |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC BAN ĐÀO TẠO THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn/> hoặc <https://daotao.ueh.edu.vn/> )

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 28.3 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                             | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chiến lược marketing<br>cho nhà quản trị |           | 3  | 25C2MAN50212502 | 50       | AD01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                                          |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |

**[Học ghép chung với các lớp học phần sau]**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>K | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------|-----------|----|-----------------|---------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nguyên lý kế toán   |           | 3  | 25C4ACC50700105 | 90      | AD02           | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô       |           | 3  | 25C4ECO50100101 | 100     | KN01           | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                     |           |    |                 |         |                | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Quản trị học        |           | 3  | 25C4MAN50200102 | 90      | AD02           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Quản trị chiến lược |           | 3  | 25C3MAN50201102 | 55      | V124TP1A<br>D1 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | H204   | 07/08/25 - 23/10/25 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 28.3 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Diễn thuyết trước công<br>chúng |           | 3  | 25C2ENG51315002 | 50       | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 04/10/25 - 20/12/25 |         |
| Kỹ năng nghe - nói trung<br>cấp |           | 3  | 25C2ENG51313401 | 50       | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 09/08/25 - 27/09/25 |         |
|                                 |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 04/09/25 - 25/09/25 |         |
| Kỹ năng viết trung cấp          |           | 3  | 25C2ENG51313601 | 50       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 07/10/25 - 23/12/25 |         |
| Kỹ năng đọc trung cấp           |           | 3  | 25C2ENG51313501 | 50       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
|                                 |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 07/08/25 - 28/08/25 |         |
| Văn phạm nâng cao               |           | 3  | 25C2ENG51314302 | 50       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-405 | 02/10/25 - 25/12/25 |         |

## CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 28.3 VB2CQ

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nguyên lý kế toán                    |           | 3  | 25C4ACC50700103 | 50       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                        |           | 3  | 25C4ECO50100106 | 90       | AD02   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô                        |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                                      |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |
| Thông kê ứng dụng trong<br>Kế và KD  |           | 3  | 25C4STA50800503 | 90       | AD02   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                                      |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và<br>quản trị |           | 3  | 25C2MAT50800101 | 100      | KN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |

## NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 28.3 VB2CQ

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế lượng ứng dụng              |           | 3  | 25C4ECO50106701 | 50       | HR01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 02/10/25 - 25/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100108 | 50       | HR01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 07/08/25 - 28/08/25 |         |
| Kinh tế vi mô ứng dụng              |           | 3  | 25C4ECO50113801 | 50       | HR01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 04/10/25 - 20/12/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô                       |           | 3  | 25C4ECO50100206 | 50       | HR01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 07/10/25 - 23/12/25 |         |
| Thông kê ứng dụng trong<br>Kế và KD |           | 3  | 25C4STA50800504 | 50       | HR01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 09/08/25 - 27/09/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-404 | 04/09/25 - 25/09/25 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 28.3 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh quốc tế |           | 3  | 25C2BUS50305202 | 50       | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Marketing căn bản  |           | 3  | 25C2MAR50300101 | 50       | IB01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị chiến lược toàn cầu |           | 3  | 25C4BUS50317801 | 50       | KM01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                |           | 3  | 25C4ECO50100101 | 100      | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô                |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |

**NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG KHÓA 28.3 VB2CQ**

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh quốc tế           |           | 3  | 25C2BUS50305202 | 50       | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Marketing căn bản            |           | 3  | 25C2MAR50300101 | 50       | IB01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Quản trị chiến lược toàn cầu |           | 3  | 25C4BUS50317801 | 50       | KM01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                |           | 3  | 25C4ECO50100101 | 100      | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô                |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |

**NGÀNH MARKETING KHÓA 28.3 VB2CQ****[Học ghép chung với các lớp học phần sau]**

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh quốc tế           |           | 3  | 25C2BUS50305202 | 50       | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Marketing căn bản            |           | 3  | 25C2MAR50300101 | 50       | IB01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Quản trị chiến lược toàn cầu |           | 3  | 25C4BUS50317801 | 50       | KM01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô                |           | 3  | 25C4ECO50100101 | 100      | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô                |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 28.3 VB2CQ****[Học ghép chung với các lớp học phần sau]**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô                     |           | 3  | 25C2ECO50100101 | 50       | KN01           | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 29/10/25 - 19/11/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 03/11/25 - 22/12/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô                     |           | 3  | 25C2ECO50100202 | 60       | AD01           | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-802 | 31/10/25 - 19/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-802 | 26/11/25 - 17/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C3MAT50800102 | 50       | V125TP2F<br>N1 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | E401   | 04/08/25 - 25/08/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |                |     |    |               | E602   | 08/09/25 - 27/10/25 |         |
| Nguyên lý kế toán                 |           | 3  | 25C3ACC50700105 | 45       | V124TP4F<br>N1 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | E502   | 06/08/25 - 22/10/25 |         |
| Luật kinh doanh                   |           | 3  | 25C3LAW51100107 | 70       | V125TP1IB<br>1 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | A302   | 08/08/25 - 24/10/25 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 28.3 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C2MAT50800101 | 100      | KN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nguyên lý kế toán         |           | 3  | 25C4ACC50700106 | 80       | FN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Kế toán tài chính căn bản |           | 3  | 25C4ACC50719501 | 50       | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                           |           |    |                 |          |        | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
| Kinh tế vi mô             |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Luật kinh doanh           |           | 3  | 25C4LAW51100101 | 100      | KN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                           |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |

**NGÀNH LUẬT KINH TẾ KHÓA 28.3 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công pháp quốc tế                   |           | 2  | 25C2LAW51106002 | 50       | EL01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 07/08/25 - 25/09/25 |         |
| Cổ luật và văn hóa pháp lý Việt Nam |           | 2  | 25C2LAW51109602 | 50       | EL01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 15/11/25 - 20/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 18/12/25 - 25/12/25 |         |
| Luật dân sự 1                       |           | 3  | 25C2LAW51100501 | 50       | EL01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 13/11/25 - 11/12/25 |         |
| Luật hiến pháp                      |           | 2  | 25C2LAW51106103 | 50       | EL01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 09/08/25 - 27/09/25 |         |
| Nhập môn luật học                   |           | 3  | 25C2LAW51104101 | 50       | EL01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị   |           | 3  | 25C2MAT50800102 | 50       | EL01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 02/10/25 - 06/11/25 |         |
|                                     |           |    |                 |          |        | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 04/10/25 - 08/11/25 |         |

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 28.3 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Cơ sở công nghệ thông tin         |           | 3  | 25C2INF50900301 | 50       | EE01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-511 | 05/08/25 - 28/10/25 |         |
| Cơ sở lập trình                   |           | 3  | 25C2INF50900501 | 50       | EE01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-511 | 07/08/25 - 23/10/25 |         |
| Marketing căn bản                 |           | 3  | 25C2MAR50300102 | 50       | EE01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 01/11/25 - 27/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 11/12/25 - 25/12/25 |         |
| Toán dành cho kinh tế và quản trị |           | 3  | 25C2MAT50800103 | 50       | EE01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 04/11/25 - 23/12/25 |         |
|                                   |           |    |                 |          |        | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 06/11/25 - 04/12/25 |         |

**[Học ghép chung với lớp học phần sau]**

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học |           | 3  | 25C4MAN50200102 | 90       | AD02   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |

**NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN KHÓA 28.3 VB2CQ****[Học ghép chung với các lớp học phần sau]**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C3PHI51002301 | 80       | V123TP1N<br>H1 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | A401   | 04/08/25 - 27/10/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học  |           | 2  | 25C3BUS50326405 | 50       | V125TP3H<br>R1 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | H101   | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh |           | 2  | 25C3HCM51000401 | 30       | V124TP4I<br>V1 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | E002   | 07/08/25 - 25/09/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô        |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                      |           |    |                 |          |                | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C3BUS50309504 | 40       | V124TP2A<br>V1 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-406 | 03/10/25 - 21/11/25 |         |

**NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ KHÓA 28.3 VB2CQ**

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C3PHI51002301 | 80       | V123TP1N<br>H1 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | A401   | 04/08/25 - 27/10/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học  |           | 2  | 25C3BUS50326405 | 50       | V125TP3H<br>R1 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | H101   | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh |           | 2  | 25C3HCM51000401 | 30       | V124TP4I<br>V1 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | E002   | 07/08/25 - 25/09/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô        |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                      |           |    |                 |          |                | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C3BUS50309504 | 40       | V124TP2A<br>V1 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-406 | 03/10/25 - 21/11/25 |         |

**CHUYÊN NGÀNH THUẾ KHÓA 28.3 VB2CQ**

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C3PHI51002301 | 80       | V123TP1N<br>H1 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | A401   | 04/08/25 - 27/10/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học  |           | 2  | 25C3BUS50326405 | 50       | V125TP3H<br>R1 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | H101   | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh |           | 2  | 25C3HCM51000401 | 30       | V124TP4I<br>V1 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | E002   | 07/08/25 - 25/09/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô        |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                      |           |    |                 |          |                | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C3BUS50309504 | 40       | V124TP2A<br>V1 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-406 | 03/10/25 - 21/11/25 |         |

**NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG KHÓA 28.3 VB2CQ**

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C3PHI51002301 | 80       | V123TP1N<br>H1 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | A401   | 04/08/25 - 27/10/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học  |           | 2  | 25C3BUS50326405 | 50       | V125TP3H<br>R1 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | H101   | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh |           | 2  | 25C3HCM51000401 | 30       | V124TP4I<br>V1 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | E002   | 07/08/25 - 25/09/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô        |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                      |           |    |                 |          |                | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C3BUS50309504 | 40       | V124TP2A<br>V1 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-406 | 03/10/25 - 21/11/25 |         |

**NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 28.3 VB2CQ**

[Học ghép chung với các lớp học phần sau]

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Triết học Mác Lênin  |           | 3  | 25C3PHI51002301 | 80       | V123TP1N<br>H1 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | A401   | 04/08/25 - 27/10/25 |         |
| Nhập môn tâm lý học  |           | 2  | 25C3BUS50326405 | 50       | V125TP3H<br>R1 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | H101   | 05/08/25 - 30/09/25 |         |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh |           | 2  | 25C3HCM51000401 | 30       | V124TP4I<br>V1 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | E002   | 07/08/25 - 25/09/25 |         |
| Kinh tế vi mô        |           | 3  | 25C4ECO50100103 | 50       | KM01           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-302 | 09/08/25 - 25/10/25 |         |
| Kinh tế vĩ mô        |           | 3  | 25C4ECO50100204 | 90       | AD02           | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 01/11/25 - 20/12/25 |         |
|                      |           |    |                 |          |                | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/12/25 - 25/12/25 |         |
| Kỹ năng mềm          |           | 2  | 25C3BUS50309504 | 40       | V124TP2A<br>V1 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-406 | 03/10/25 - 21/11/25 |         |